

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2019

V/v Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Mai;

Bà Huỳnh Thị Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc B (tên gọi khác L), sinh năm 1993, nơi cư trú: tổ 19, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh A, có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Ph, sinh năm 1991, nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 18 tháng 4 năm 2019 và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay như sau:* Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn Ph được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 71, Quyền số: 1/2013, ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh A. Sau khi cưới vợ chồng sống tại ấp B, xã A, huyện T, khoảng năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Ph không quan tâm đến cuộc sống gia đình, cờ bạc cá độ, vợ chồng không còn sống chung

từ cuối năm 2018 (tết âm lịch), hiện nay bà đang sống tại nhà cha mẹ ruột ở phường L, thị xã T cùng với 02 con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Anh T, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2014 và Trần Thảo V, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2018. Bà B yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Văn Ph đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Trần Văn Ph có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Cả hai đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2014, đến nay đã có thời gian dài nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, có cơ sở cho ly hôn theo yêu cầu của Bà B.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Anh T, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2014 và Trần Thảo V, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2018. Bà B yêu cầu quyền nuôi 02 con chung, xét về điều kiện hiện nay con chung đều do Bà B nuôi dưỡng, nghĩ nên tiếp tục giao cho Bà B quyền nuôi con chung là phù hợp điều kiện sinh hoạt học tập và quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng theo quy định pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 05 tháng 6 năm 2019 tại Ban ấp B, xã A, huyện T.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Ngọc B vẫn giữ nguyên yêu cầu; ông Trần Văn Ph vắng mặt;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Bị đơn ông Trần Văn Ph đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Văn Ph có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại ấp B, xã A, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2] Về nội dung vụ án:**

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Trần Văn Ph chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 71, Quyền số: 1/2013, ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh A theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Xét thấy về tình cảm Bà B và ông Ph đã bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2014, đã một thời gian dài nhưng vẫn không thể hàn gắn được, nên từ cuối năm 2018 (tết âm lịch) đến nay không còn chung sống với nhau. Điều này phù hợp theo nội dung xác minh tại Ban ấp B, xã A ngày 05 tháng 6 năm 2019: “.....*khoảng 8 tháng nay (từ tháng 7/2018 không thấy Bà B và ông Ph chung sống với nhau nữa...*”. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử thấy rằng bà Nguyễn Thị Ngọc B xin ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Anh T, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2014 và Trần Thảo V, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2018. Bà B yêu cầu quyền nuôi 02 con chung, xét về điều kiện hiện nay con chung đều do Bà B nuôi dưỡng, do đó cần tiếp tục giao cho Bà B quyền nuôi con chung là phù hợp điều kiện và quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị là có cơ sở.

**[3] Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Ngọc B khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Trần Văn Ph không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Nguyễn Thị Ngọc B và Ông Trần Văn Ph.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 02 (hai) con chung Trần Thị Anh T, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2014 và Trần Thảo V, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2018 cho bà Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Trần Văn Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Ngọc B cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Trần Văn Ph quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0014711 ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Bà Nguyễn Thị Ngọc B đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Giấy chứng nhận kết hôn số 71, Quyển số: 1/2013, ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND h. Tỉnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND phường L, thị xã T;
- Lưu HS & VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Ngọc Mỹ**